

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 421/2026/DS-ST
Ngày: 24-6-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Thương Trang

Bà Mai Thị Tám

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hiếu Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Hồ Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1090/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/QĐXXSt-DS ngày 28 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 285/2026/QĐST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Liêm Chí L, sinh năm 1988, số CCCD: 091088005018. Địa chỉ thường trú: Tổ B ấp N, xã T, tỉnh An Giang. Địa chỉ nơi ở hiện tại: Số A đường P, ấp B, xã B, tỉnh Tây Ninh (khu phố G, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An cũ).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Dương Hồ Hiếu H, sinh năm 1999, số CCCD: 080199003400. Địa chỉ: Số A đường P, ấp B, xã B, tỉnh Tây Ninh (khu phố G, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An cũ) là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (có mặt).

(Theo giấy ủy quyền công chứng số 02686. Quyền số 01-2024-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/4/2024 tại Văn phòng C).

2. **Bị đơn:** Ông Phạm Thanh H1, sinh năm 1988, số CCCD: 079088016670. Địa chỉ thường trú: 16/5 ấp H, xã Đ (ấp T, xã T, huyện H cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Dương Hồ Hiếu H trình bày:

Ngày 25/01/2024, ông Liêm Chí L cho ông Phạm Thanh H1 vay số tiền 1.816.000.000 (một tỷ tám trăm mười sáu triệu) đồng, hai bên lập giấy vay tiền; lãi suất là 5%/tháng, trả vào ngày 25 hàng tháng. Thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày 25/01/2024 đến ngày 25/4/2024.

Sau khi lập giấy vay tiền ông H1 không thực hiện đúng thỏa thuận. Ngày 27/4/2024 ông L có gửi văn bản yêu cầu ông H1 hoàn tất việc trả tiền trong thời hạn 03 tháng nhưng ông H1 vẫn không trả. Ông L nhiều lần liên hệ ông H1 để thỏa thuận phương án trả nợ nhưng ông H1 cố tình trốn tránh và không thực hiện theo yêu cầu của ông L.

Đến ngày 12/11/2024, ông L nộp đơn khởi kiện: Yêu cầu ông Phạm Thanh H1 hoàn trả toàn bộ số tiền vay theo giấy vay tiền ngày 25/01/2024 số tiền 1.816.000.000 đồng và đồng thời yêu cầu ông H1 trả lãi vay theo quy định pháp luật lãi suất 20%/năm từ ngày 25/01/2024 đến ngày 25/4/2024 là 03 tháng số tiền 90.800.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu tại thời điểm khởi kiện mà ông H1 phải trả cho ông L là 1.906.800.000 đồng. Ông H1 tiếp tục trả lãi từ ngày 26/4/2024 đến khi có bản án/quyết định của Tòa án.

Tại Đơn trình bày ý kiến ngày 24/6/2026, người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn là bà Dương Hồ Hiếu H trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn ông H1 hoàn trả tiền vay gốc 1.816.000.000 đồng; lãi suất từ ngày 25/01/2024 đến ngày 25/4/2024 (20%/năm) là 90.800.000 đồng; lãi suất từ ngày 26/4/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/6/2026 (10%/năm với 25 tháng 29 ngày) số tiền 392.554.521 đồng. Tổng số tiền buộc ông H1 phải trả cho L là 2.299.354.521 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phạm Thanh H1 trình bày:

Ông và ông Liêm Chí L là bạn bè. Khoảng năm 2022, do có nhu cầu cần vốn để kinh doanh, ông có hỏi vay ông L tiền nhiều lần, với tổng số tiền là 3.760.000.000 đồng, bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng Q. Tại thời điểm đó, hai bên không lập hợp đồng vay tiền và chỉ thỏa thuận miệng với lãi suất từ 0.3% – 0.35%/ngày.

Từ ngày 30/5/2023 đến 25/11/2023, ông L đã nhiều lần chuyển tiền cho ông H1 thông qua tài khoản Ngân hàng Q với tổng số tiền 3.760.000.000 đồng. Ông H1 đã trả cho ông L số tiền gốc 2.470.000.000 đồng và 891.375.000 đồng tiền lãi. Khoảng tháng 07/2023, ông H1 gặp khó khăn trong kinh doanh, mất khả năng thanh toán nên từ ngày 28/7/2023 ông H1 không chuyển trả cho ông L nữa; số tiền nợ gốc ông H1 còn ông L là 1.290.000.000 đồng.

Ngày 25/01/2024, ông H1 và ông L có gặp nhau, cả hai trao đổi về việc thống nhất lại khoản nợ 1.816.000.000 đồng bằng Giấy vay tiền để hợp thức hóa khoản nợ gốc là 1.290.000.000 đồng và khoản lãi chậm trả từ sau ngày 28/7/2023 đến ngày

25/01/2024 là 526.000.000 đồng nhưng thực tế thời điểm này không phát sinh việc giao nhận tiền, giấy vay tiền do ông L giữ, ông H1 không có giữ.

Lãi suất cho vay trong suốt thời gian từ ngày 22/5/2022 đến ngày 25/01/2024 Lãi suất áp dụng là 0.3% đến 0.35% ngày tương đương 109% đến 127%/ năm vượt quá quy định của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông H1 cũng có thiện chí trả nợ cho ông L nhưng do ông H1 còn nợ nhiều tổ chức, cá nhân khác nên ông H1 yêu cầu được trả cho ông L khoản nợ gốc là 1.290.000.000 đồng và lãi suất 20%/năm (từ ngày 25/01/2024 đến ngày 03/9/2025) tạm tính số tiền 127.939.726 đồng. Ông đồng ý trả cho ông L tổng số tiền 1.417.939.726 đồng. Và đề nghị Tòa án xác minh rõ bản chất giao dịch, khẳng định không có việc giao nhận tiền thực tế khi lập giấy vay tiền ngày 25/01/2024.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành và tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Liêm Chí L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Liêm Chí L khởi kiện yêu cầu ông Phạm Thanh H1 trả lại số tiền 1.816.000.000 đồng. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Phạm Thanh H1 có nơi cư trú tại xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về thủ tục xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng:

Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt niêm yết hợp lệ, triệu tập ông H1 để tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

2. Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông L đối với số tiền 1.816.000.000 đồng:

Căn cứ Giấy vay tiền ngày 25/01/2024 có nội dung: Ông H1 có vay của ông L số tiền 1.816.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày 25/01/2024 đến ngày 25/4/2024; lãi suất vay là 5%/tháng, trả vào ngày 25 hàng tháng. Tại giấy vay tiền có đầy đủ chữ ký và chữ viết của ông L và ông H1 và ông H1 ghi đã nhận đủ tiền.

Trong quá trình làm việc tại Tòa án, ông H1 thừa nhận có ký Giấy vay tiền để hợp thức hóa và thống nhất khoản nợ mà ông H1 đã vay của ông L nhiều lần từ ngày 30/5/2022 đến ngày 25/11/2023 là 1.816.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 1.290.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 526.000.000 đồng). Ông H1 đồng ý trả cho ông L số tiền 1.417.939.726 đồng trong đó (gốc 1.290.000.000 đồng; lãi 20%/năm (từ 29/7/2023 đến 25/01/2024) là 127.939.726 đồng). Ông H1 có nộp cho Tòa án bộ sao kê của Ngân hàng TMCP Q đối với số tài khoản 2800108486008 (năm 2022, 2023), số tài khoản 6999969999688 (năm 2022, 2023) và số tài khoản 0908439668 (năm 2023). Như vậy, giữa ông L và ông H1 có phát sinh quan hệ vay-mượn tiền, các lần giao dịch không ghi nội dung chuyển khoản cho mục đích gì. Tại đơn trình bày ý kiến ngày 30/10/2025, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày việc vay mượn giữa ông L và ông H1 diễn ra từ năm 2022 đến đầu năm 2024 đều không có giấy tờ vay, việc vay-mượn giữa hai bên đã kết thúc. Ông L và ông H1 thống nhất lại số tiền vay là 1.816.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất 5%/tháng được hai bên cam kết thực hiện; thời điểm ký Giấy vay tiền ông H1 là người đầy đủ năng lực, không bị lừa dối hay ép buộc; hai bên ký Giấy vay tiền trên cơ sở thỏa thuận và tự nguyện. Bên cạnh đó, ông H1 không có cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh ông L cho vay lãi suất 0.3% đến 0.35% ngày. Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ 1.816.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi suất:

Căn cứ Giấy vay tiền ngày 25/01/2024, thỏa thuận thời hạn vay 03 tháng từ ngày 25/01/2024 đến 25/4/2024, lãi suất vay là 5%/năm (tương đương 60%/năm) vượt quá so với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu lãi suất 20%/năm/03 tháng với số tiền 90.800.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Sau ngày 25/4/2024 hai bên không thỏa thuận lãi suất. Ông L yêu cầu ông H1 trả lãi từ ngày 26/4/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/6/2026 (25 tháng 28 ngày) với lãi suất 10%/năm với số tiền 392.554.521 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2.3] Tòa án đã triệu tập bị đơn nhiều lần nhưng bị đơn chỉ có mặt ngày 03/9/2025 và nhiều lần sau đó vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được để giải quyết vụ án.

Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự thì bị đơn có quyền đưa ra các chứng cứ để chấp nhận hoặc bác bỏ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không thực hiện xem như từ bỏ quyền chứng minh của mình. Từ những lý do trên,

có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Liêm Chí L đối với bị đơn ông Phạm Thanh H1 theo Giấy vay tiền ngày 25/01/2024.

[2.4] Từ những phân tích nêu trên, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.5] Nguyên đơn ông L1 Chí Long cung cấp cho Tòa án Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, ông chưa kết hôn với ai. Theo kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã Đ) Thành phố Hồ Chí Minh: Qua rà soát không có thông tin ông Phạm Thanh H1 kết hôn với ai. Do đó, quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông L và ông H1 không có người liên đới trong vụ kiện này.

[2.6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông Liêm Chí L được chấp nhận toàn bộ nên ông Phạm Thanh H1 phải chịu án phí theo quy định pháp luật. H2 lại cho ông L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Liêm Chí L đối với ông Phạm Thanh H1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Phạm Thanh H1 có nghĩa vụ trả cho ông Liêm Chí L số tiền nợ tổng cộng là 2.299.354.521 (hai tỷ hai trăm chín mươi chín triệu ba trăm năm mươi bốn ngàn năm trăm hai mươi mốt) đồng. Trong đó, nợ gốc chưa thanh toán là 1.816.000.000 đồng, số tiền lãi 483.354.521 đồng tính đến ngày 24/6/2026.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Thanh H1 chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 77.987.090 (bảy mươi bảy triệu chín trăm tám mươi bảy ngàn không trăm chín mươi) đồng.

Hoàn trả cho ông Liêm Chí L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 34.602.000 (ba mươi bốn triệu sáu trăm lẻ hai ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0047560 ngày 26/11/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND khu vực 8;
- Phòng THADS khu vực 8;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Nguyễn Ngọc Thương